

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lương Khoa

Bà Trần Thị Kim Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Thiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 31/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Bà L, ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 11/5/2023, bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, bà và ông Lê Văn H bắt đầu chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2002.

Cuộc sống chung của vợ chồng ông bà không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên bà và ông Lê Văn H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông H không quan tâm chăm sóc bà và các con, thường xuyên nhậu nhẹt, sau khi nhậu say thì dùng những lời lẽ không chuẩn mực để xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà. Ngoài ra, ông Lê Văn H còn có hành vi bạo

lực gia đình, thường xuyên đánh đập bà trước mặt con. Bà và ông **Lê Văn H** đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Lê Văn H**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có ba người con chung là **Lê Quang H1**, sinh ngày 14/3/1995; **Lê Quang H2**, sinh ngày 06/9/1997 và **Lê Quang H3**, sinh ngày: 17/7/1999. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Trong quá trình làm việc bị đơn ông **Lê Văn H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vì vậy không có lời trình bày.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **L**, bà **L** được ly hôn với ông **H**; Về con chung: không giải quyết; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Nguyễn Thị L** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **Lê Văn H** đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt bà **L**, ông **H** là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị L** có đơn khởi kiện ly hôn với ông **Lê Văn H**, do đó xác định bà **L** là nguyên đơn, ông **H** là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Nguyễn Thị L** và ông **Lê Văn H** tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã **B**, huyện **X**, do đó quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Bà **Nguyễn Thị L** cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, ông **H** không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên đánh đập, xúc phạm bà. Ông **H** đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, ông **H** biết việc bà **L** nộp đơn ly hôn nhưng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông **H** không có thiện chí trong việc hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **L** là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Các con chung của bà L, ông H đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, ông H không có lời trình bày nên không giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L trình bày không có, ông H không có lời trình bày nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Lê Văn H.
2. Về con chung: Không giải quyết
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007646 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

Bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi kết hôn;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huệ